TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Vinh và bà Nguyễn Thị Nga

***-Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2- Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 –Lào Cai *tham gia phiên toà:* Bà Hà Minh Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:55/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 29/TB-TA ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị X, sinh năm 1993; CCCD: 015193010788

Bị đơn: Anh Vũ Mạnh H, sinh năm 1992; CCCD: 015092007000

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai

(Chị X có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*****Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Lương Thị X trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Vũ Mạnh H vào năm 2012 trên cơ sở có được tìm hiểu tự nguyện, không ai cưỡng ép, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã B,

huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng cùng sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Hai bên đã nói chuyện hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Mạnh H.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có ba con chung là Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 03-02-2013, Vũ Quang N, sinh ngày 28-7-2018 và Vũ Trung H1, sinh ngày 21-12-2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với bố mẹ chồng, các cháu sinh ra đều được ông bà nội là Vũ Mạnh T và Lương Thị T1 trực tiếp chăm sóc, hỗ trợ nuôi dưỡng, kể từ khi sống ly hôn các cháu vẫn ở với bố và ông bà nội, hiện nay chị đi làm tự do chưa có chỗ ở ổn định, các cháu ở với bố và ông bà nội sẽ ổn định chỗ ở và ăn học. Do vậy, chị quyết định sẽ giao 3 con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ hỗ trợ gửi tiền cho ông bà nuôi dưỡng các cháu nhưng vấn đề cấp dưỡng do anh H không hợp tác, không đến Toà án nên chị sẽ không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của con chung: Cháu Vũ Thị Ngọc D, Vũ Quang N và Vũ Trung H1 có nguyện vọng được ở với bố đẻ là Vũ Mạnh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị X để xử cho chị Lương Thị X được ly hôn với anh Vũ Mạnh H; Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 03-02-2013, Vũ Quang N, sinh

ngày 28-7-2018 và Vũ Trung H1, sinh ngày 21-12-2017 cho anh Vũ Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Lương Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Lương Thị X phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Anh Vũ Mạnh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai nên yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai.

Chị Lương Thị X và anh Vũ Mạnh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử vắng mặt các đương sự theo điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị X và anh Vũ Mạnh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân xã B, huyện Y, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) vào năm 2012, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị X xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh H đến để hòa giải nhưng anh H không đến, cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lương Thị X và anh Vũ Mạnh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị X là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lương Thị X được ly hôn anh Vũ Mạnh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị X và anh H có ba con chung là Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 03-02-2013, Vũ Quang N, sinh ngày 28-7-2018 và Vũ Trung H1, sinh ngày 21-12-2017. Kể từ khi sống ly thân các con chung đều ở cùng với bố và ông bà nội. Mặc dù, anh H không có mặt, không thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung nhưng thực tế các

con chung vẫn đang ở cùng với bố và ông bà nội tại thôn H, xã T, tỉnh Lào Cai (Bà Lương Thị T1 là mẹ đẻ của anh H có đơn đề nghị sẽ hỗ trợ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chưa thành niên cần giao con chung cho anh Vũ Mạnh H là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con chung và quy định của pháp luật. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Lương Thị X không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị X phải chịu án phí DSST.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị X được ly hôn với anh Vũ Mạnh H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Vũ Thị Ngọc D, sinh ngày 03-02-2013, Vũ Quang N, sinh ngày 28-7-2018 và Vũ Trung H1, sinh ngày 21-12-2017 cho anh Vũ Mạnh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Lương Thị X không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về án phí: Chị Lương Thị X phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0000703 ngày 04-3-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh L (Chị X đã nộp đủ án phí).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- THADS khu vực 2- Lào Cai;
- UBND xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Thị Thanh Nga